

Bản án số: 57/2023/HS-ST

Ngày: 15 - 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Hiếu Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hồng Hải
2. Ông Lưu Đức Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Phạm Ngọc C (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 28/10/1985 tại Thành phố H; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 50/26 đường Tô H, phường Tân Thới H, quận T, Thành phố H; nơi ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 03/12, con ông: Phạm Văn H (chết) và bà: Trần Thị V; tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 22/01/2021, Tòa án nhân dân Quận O ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng, chấp hành xong vào ngày 23/7/2022.

Nhân thân:

- Ngày 03/5/2005, bị Tòa án nhân dân Thành phố H xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

- Ngày 28/9/2010, Ủy ban nhân dân quận P ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng.

- Ngày 05/7/2013, Ủy ban nhân dân Quận S ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh thời hạn 24 tháng.

- Ngày 23/3/2016, Tòa án nhân dân huyện B ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 21 tháng.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/12/2022; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Văn V (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 19/8/1994 tại Thanh H; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ngù X, xã Quang T, huyện Ngọc L, tỉnh Thanh H; nơi ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12, con ông: Bùi Văn M và bà: Phạm Thị L; tiền án, tiền sự: Không

Bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/12/2022; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 545 Bình T, xã Bình T, huyện Giồng T, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Ngọc C và Bùi Văn V là bạn bè quen biết với nhau trước đó. Ngày 29/12/2022, V rủ C đi xin tiền người khác, nếu không xin được thì lợi dụng sơ hở cướp giật tài sản. C đồng ý và cả hai hẹn gặp nhau vào ngày 30/12/2022. Đến 09 giờ ngày 30/12/2022, C điều khiển xe mô tô biển số 51U9-9757 đến đón V tại chùa Q, Phường N, Quận X. Cả hai đi lòng vòng qua nhiều tuyến đường trên địa bàn Quận X, đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến trước số 01 đường Thành T, Phường F, Quận X, V nhìn thấy anh Nguyễn Tuấn A đang đậu xe và ngồi trên xe ô tô biển số 71A-124.39 trên đường nên chỉ cho C thấy. Cả hai đến dừng xe cạnh bên xe anh Tuấn A. C nói anh Tuấn A cho xin 20.000 đồng tiền giữ xe nhưng anh Tuấn A không đồng ý. Lúc này, anh Tuấn A lấy tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng từ trong hộc xe để bỏ vào ví, C liền dùng tay phải giật lấy tờ tiền của anh Tuấn A và tăng ga cho V chạy thoát. Trên đường đi, C đưa tờ tiền vừa chiếm đoạt được cho V cất giữ. Tổ tuần tra hình sự Công an Quận X theo dõi và phát hiện nên đã truy đuổi theo liên tục đến trước số 28 đường Trần Nhân T, Phường N, Quận X, thì bắt giữ cả hai cùng phương tiện, vật chứng giao Công an Phường F, Quận X lập biên bản phạm tội quả tang chuyển hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X điều tra, làm rõ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X, bị cáo Phạm Ngọc C và Bùi Văn V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Tuấn A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác.

Vật chứng vụ án:

- 01 tờ tiền polime mệnh giá 50.000 đồng, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Nguyễn Tuấn A.

- 01 xe mô tô biển số: 51U9-9757, có số khung: LHYA110-3302603, số máy: 1P53FMH-10427409. Kết quả giám định số máy, số khung của xe không thay đổi. Xe do ông Phạm Hưng - địa chỉ: 463/69 C, Phường D, Quận X đứng tên chủ sở hữu. Tuy nhiên, qua xác minh không có địa chỉ trên. Phạm Ngọc C khai mua xe của một người không rõ lai lịch vào cuối năm 2021.

Tại bản Cáo trạng số 43/CT-VKSQ10 ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố H đã truy tố Phạm Ngọc C, Bùi Văn V về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố H công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, nêu lên tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt các bị cáo:

Phạm Ngọc C từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Bùi Văn V từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X, Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố H, Kiểm sát viên thu thập; do các bị can, các bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận X, Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Phạm Ngọc C, Bùi Văn V đã có hành vi dùng thủ đoạn nguy hiểm sử dụng xe mô tô có phân khối lớn, lợi dụng sự sơ hở của người khác mà nhanh chóng công khai cướp giật tài sản của họ ngay trên đường phố; do vậy các bị cáo bị truy tố và xét xử về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi phạm tội của các bị cáo rất táo bạo, liều lĩnh và xem thường pháp luật. Vì để có tiền tiêu xài nên các bị cáo cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác với thủ đoạn nguy hiểm, nhanh chóng và bất ngờ. Xét đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn, bị cáo C là người trực tiếp thực hiện tội phạm; bị cáo V vừa là người khởi xướng vừa là người giúp sức về mặt tinh thần. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an và an toàn xã hội, xâm hại đến tài sản hợp pháp của người bị hại. Do vậy các

bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo. Ngoài ra áp dụng khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) phạt bổ sung bị cáo Phạm Ngọc C một số tiền để nộp ngân sách nhà nước. Đối với bị cáo Bùi Văn V do phạm tội lần đầu nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Đối với: 01 xe mô tô biển số: 51U9-9757, có số khung: LHYA110-3302603, số máy: 1P53FMH-10427409. Kết quả giám định số máy, số khung của xe không thay đổi. Xe do ông P - địa chỉ: 463/69 C, Phường D, Quận X đứng tên chủ sở hữu, qua xác minh không có địa chỉ trên. Phạm Ngọc C khai mua xe của một người không rõ lai lịch vào cuối năm 2021, chiếc xe lại là phương tiện dùng vào việc phạm tội; do vậy giao cho Chi cục Thi hành án Dân sự Quận X, Thành phố H tiến hành thông báo trong thời hạn nhất định, nếu không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận, thì đề nghị căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 228 Bộ luật Dân sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Tuấn A đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm d khoản 2, 5 Điều 171; điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Phạm Ngọc C 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2022.

Xử phạt: Bùi Văn V 03 (ba) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2022.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Ngọc C số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách nhà nước.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Văn V.

- Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015
- Áp dụng Điều 228 của Bộ luật dân sự 2015

Giao Chi cục thi hành dân sự Quận X, Thành phố H thông báo với thời hạn 12 tháng đối với 01 chiếc xe mô tô có số khung LHYA110-3302603, số máy: 1P53FMH-10427409, để chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (nếu có) đến nhận, trong thời hạn trên kể từ ngày đăng báo mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/6/2023)

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Buộc các bị cáo mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng;

2. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.H; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Quận X; (5)
- Công an Quận X; (2)
- Chi cục THADS Quận X; (1)
- Người tham gia tố tụng; (4)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hiếu Hạnh